

Started on	Thursday, 7 November 2024, 10:44 AM
State	Finished
Completed on	Thursday, 7 November 2024, 11:51 AM
Time taken	1 hour 6 mins
Grade	13.0 out of 20.0 (65%)

Question 1

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Bảng View có chứa dữ liệu thật không?

- ☐ a. Có
- ☐ b. Không
- ☒ c. Lúc Có lúc Không ❌

Your answer is incorrect.

The correct answer is:
Không

Question 2

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

View là gì?

- ☐ a. Là một con trỏ
- ☐ b. Là một sơ đồ cơ sở dữ liệu.
- ☒ c. Là một bảng ảo trong cơ sở dữ liệu có nội dung được định nghĩa thông qua một câu lệnh SQL nào đó. ✓
- ☐ d. Là một thủ tục được lưu trữ đặc biệt thực hiện khi sự kiện nào đó xảy ra.

Your answer is correct.

The correct answer is:

Là một bảng ảo trong cơ sở dữ liệu có nội dung được định nghĩa thông qua một câu lệnh SQL nào đó.

Question 3

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Câu lệnh nào sau đây dùng để loại bỏ VIEW V1 khỏi cơ sở dữ liệu?

- ☐ a. DELETE VIEW V1
- ☒ b. DROP VIEW V1 ✓
- ☐ c. REMOVE VIEW V1
- ☐ d. UPDATE VIEW V1

Your answer is correct.

The correct answer is:

DROP VIEW V1

Question 4

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Câu lệnh nào sau đây có sử dụng index trên cột MaNV và index không bị mất hiệu lực?

- ☐ a. `SELECT MaNV, TenNV, TenPHG, DiaChi FROM NhanVien WHERE LEFT(MaNV,2) = 'NV'`
- ☒ b. `SELECT MaNV, TenNV, TenPHG, DiaChi FROM NhanVien WHERE MaNV LIKE 'NV%'` ✓
- ☐ c. `SELECT MaNV, TenNV, TenPHG, DiaChi FROM NhanVien WHERE MaNV IS NULL`
- ☐ d. `SELECT MaNV, TenNV, TenPHG, DiaChi FROM NhanVien WHERE MaNV NOT IN ('NV0001','NV0002')`

The correct answer is: `SELECT MaNV, TenNV, TenPHG, DiaChi FROM NhanVien WHERE MaNV LIKE 'NV%'`

Question 5

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Đâu không phải là cách sử dụng Index hợp lý:

- ☒ a. Nên tạo Index trên các cột mà có giá trị là chuỗi hơn là giá trị Integer. ✓
- ☐ b. Nên tạo Index trên các cột mà có giá trị là Integer hơn là giá trị chuỗi.
- ☐ c. Tạo khoảng 4-5 index trên một bảng.
- ☒ d. Tạo khóa chính đại diện là kiểu chuỗi ✓

The correct answers are: Tạo khóa chính đại diện là kiểu chuỗi, Nên tạo Index trên các cột mà có giá trị là chuỗi hơn là giá trị Integer.

Question 6

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Một thủ tục được tự động thực hiện khi ta thay đổi dữ liệu trong 1 table của SQL Server thông qua các lệnh Update, Insert, Delete, đó là:

- ☐ a. Rule
- ☐ b. Extended Stored Procedure
- ☐ c. Stored Procedure
- ☒ d. Trigger ✓

The correct answer is: Trigger

Question 7

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Khi muốn thực thi một Store Procedure tên P1 có một biến X kiểu số nguyên ta thực hiện lệnh sau:

- ☒ a. EXEC P1(5) ✗
- ☐ b. P1 5
- ☐ c. P1 (5)
- ☐ d. PRINT P1 @X=5

The correct answer is: P1 5

Question 8

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Trigger dùng For/After có thể định nghĩa nhiều trigger cho mỗi thao tác trên cùng 1 bảng không?

- ☐ a. Sai
- ☒ b. Đúng ✓

The correct answer is: Đúng

Question 9

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Chọn câu phát biểu sai:

- ☐ a. Ta có thể kiểm tra dữ liệu trong logic table
- ☐ b. Ta có thể tính toán trong logic table
- ☐ c. Các logic Table là INSERTED, DELETED
- ☒ d. Ta có thể xóa dữ liệu trong logic table ✓

The correct answer is: Ta có thể xóa dữ liệu trong logic table

Question 10

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Cursor là:

- ☐ a. Là một bảng dữ liệu đặc biệt dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT
- ☒ b. Là một kiểu dữ liệu đặc biệt, được dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT trong quá trình lập trình ✓
- ☐ c. Là một kiểu dữ liệu đặc biệt, được dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT và được lưu trữ như một bảng trong cơ sở dữ liệu
- ☐ d. Một kiểu dữ liệu do người dùng định nghĩa

The correct answer is: Là một kiểu dữ liệu đặc biệt, được dùng để lưu trữ kết quả của lệnh SELECT trong quá trình lập trình

Question 11

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Chọn câu phát biểu sai:

- ☐ a. Function có thể gọi Function
- ☐ b. Procedure có thể gọi Function
- ☐ c. Function có thể gọi Procedure
- ☒ d. Procedure có thể gọi Procedure ❌

The correct answer is: Function có thể gọi Procedure

Question 12

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Các chỉ mục (Index) được xây dựng dựa trên một hay một số Field trong table. Khi đó các Field này được gọi là:

- ☐ a. The Index Key
- ☐ b. The Major Key
- ☐ c. The Secondary Key
- ☒ d. The Primary Key ❌

The correct answer is: The Index Key

Question 13

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Kích thước tối đa của các cột nonvariable-length trong một index là bao nhiêu?

- ☐ a. 300
- ☒ b. 249 ❌
- ☐ c. 900
- ☐ d. 600

The correct answer is: 900

Question 14

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Index có thể được tạo trên loại đối tượng:

- ☐ a. View
- ☒ b. Table ✖
- ☐ c. Table và view
- ☐ d. Temporary table và view

The correct answer is: Table và view

Question 15

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Một chỉ mục được tự động tạo trên cột làm khoá chính khi thực hiện lệnh tạo table Student. Chỉ mục này thuộc loại nào:

```
CREATE TABLE student
(
  student_id int PRIMARY KEY,
  lname char(15),
  fname char(15)
)
```

- ☒ a. Clustered, Unique index ✔
- ☐ b. NonClustered index
- ☐ c. Clustered index
- ☐ d. Unique index

The correct answer is: Clustered, Unique index

Question 16

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Nếu SQL Server dùng phương pháp xác thực Windows Authentication, bạn phải cung cấp cho hệ thống một mã đăng nhập (login ID, login password) mỗi khi truy cập vào SQL Sever.

- ☐ a. Đúng
- ☒ b. Sai ✔

The correct answer is: Sai

Question 17

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

SQL Server kiểm tra người dùng hợp lệ ở hai cấp độ: hoặc Windows Authentication:

- ☐ a. Authentication
- ☐ b. Login Authentication
- ☐ c. System Authentication
- ☒ d. SQL Server Authentication ✓

The correct answer is: SQL Server Authentication

Question 18

Incorrect

Mark 0.0 out of 1.0

Server role nào sau mặc định bao gồm các thành viên của nhóm Administrator của Windows?

- ☐ a. Serveradmin
- ☐ b. Sysadmin
- ☐ c. Processadmin
- ☒ d. Securityadmin ✗

The correct answer is: Sysadmin

Question 19

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Các kiểu lock nào sau đây không phải lock trong transaction:

- ☐ a. Binary lock
- ☐ b. Exclusive lock
- ☐ c. Share lock
- ☒ d. Unlock ✓

The correct answer is: Unlock

Question 20

Correct

Mark 1.0 out of 1.0

Phát biểu nào sau đây mô tả thuộc tính Atomicity của 1 Transaction?

- ☐ a. Bất kỳ thay đổi dữ liệu được thực hiện bởi một transaction vẫn giữ nguyên hiệu quả sau khi transaction hoàn tất
- ☐ b. Việc chỉnh sửa dữ liệu được làm bởi 1 transaction này thì độc lập với việc chỉnh sửa dữ liệu của 1 transaction khác
- ☐ c. Mọi dữ liệu đều ở trạng thái không thay đổi sau khi transaction đã thực hiện thành công
- ☒ d. Mọi chỉnh sửa trong 1 transaction hoặc được thi hành hết hoặc không có 1 chỉnh sửa nào được thực hiện ✓

The correct answer is: Mọi chỉnh sửa trong 1 transaction hoặc được thi hành hết hoặc không có 1 chỉnh sửa nào được thực hiện